**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐOAN HÙNG**

**TRƯỜNG THCS MINH PHÚ**

**MA TRẬN**

**Môn: Ngữ văn 7; thời gian: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| - Truyện ngắn |
| **2** | **Viết** | - Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| - Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng số câu** | | | ***3*** | 1\* | ***3*** | 1\* | ***0*** | ***3\**** | ***0*** | 1\* | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***1.5*** | ***0.5*** | ***1.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***4.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **30%** | | **40%** | | **10%** | | **100** |

\* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 3TN | 2TL |  |
| Truyện ngắn. | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| 2. Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng số câu** | | | | **3 TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **30** | **40** | **10** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

***CÂU CHUYỆN RÙA VÀ THỎ***

Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hì hục tập chạy.

Thỏ đi qua, nhìn thấy vậy thì phá lên cười, nhạo báng:

– Cậu nên thôi cái việc vô ích ấy đi. Khắp cả khu rừng này, ai chả biết họ nhà cậu là giống loài chậm chạm nhất.

Rùa ngẩng lên, đáp:

– Tôi tập chạy cho khỏe.

Thỏ nói:

– Tôi nói thật đấy! Dù cậu có dành cả đời tập chạy, cũng không bao giờ theo kịp được tôi.

Rùa bực mình vì vẻ ngạo mạn của Thỏ, trả lời lại:

– Nếu vậy tôi với anh thử chạy thi xem ai trong chúng ta sẽ về đích trước.

Thỏ phá lên cười, bảo rằng:

– Sao cậu không rủ Sên thi cùng ấy. Chắc chắn cậu sẽ thắng!

Rùa nói chắc nịch:

– Anh đừng có chế giễu tôi. Chúng ta cứ thử thi xem sao. Chưa biết ai thua cuộc đâu!

Thỏ nhíu mày, vểnh đôi tai lên tự đắc:

– Được thôi! Tôi sẽ cho cậu thấy

[Rùa và Thỏ](https://truyendangian.com/rua-va-tho/) quy ước lấy gốc cây cổ thụ bên kia hồ làm đích rồi cả hai vào vạch xuất phát.

Thỏ vẫn ngạo nghễ:

– Tôi chấp cậu chạy trước nửa đường luôn đấy!

Biết mình chậm chạm, Rùa không nói gì, chỉ tập trung dồn sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa.

Thỏ nghĩ: “Giờ mà chạy có thắng cậu ta cũng chả vẻ vang gì. Để lúc nào Rùa gần tới nơi, mình phóng lên cán đích trước càng khiến cậu ta nể phục.” Thế là Thỏ nhởn nhơ gặm cỏ, đuổi theo vui đùa cùng lũ bướm ven đường. Mải chơi, Thỏ quên mất cả cuộc thi. Thỏ đang khoan thai nằm lim dim ngắm bầu trời trong xanh, mây trôi nhè nhẹ. Bỗng bật dậy nhớ tới cuộc thi. Ngước đầu lên thì Rùa đã gần tới đích. Thỏ cắm đầu cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã cán đích trước Thỏ một đoạn đường dài.

***Câu chuyện Rùa và Thỏ****– Truyện ngụ ngôn La Phông-ten*  
*– TruyenDanGian.Com –*

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 6**

**Câu 1**. Mượn *Câu chuyện Rùa và Thỏ* tác giả muốn nói đến những kiểu người nào trong xã hội?

A. Kiểu người hiền lành, tốt bụng và kiểu người tham lam, ngu dốt.

B. Kiểu người có ý chí, kiên trì, khiêm tốn và kiểu người ngạo mạn, thiếu kiên trì, tự cao.

C. Kiểu người chăm chỉ, cần cù và kiểu người lười biếng, ham chơi.

D. Kiểu người ngạo mạn, tự cao, tham lam và kiểu người hiền lành, khiêm tốn.

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện. B. Lời của nhân vật Rùa.

C. Lời của nhân vật Thỏ. D. Lời của nhân vật Sên.

**Câu 3.** Vì sao trong cuộc thi, Thỏ không xuất phát cùng lúc với Rùa?

A. Thỏ thích ngắm cảnh đẹp trên đường B. Thỏ thích thể hiện mình

C. Thỏ ngạo mạn, coi thường Rùa D. Rùa muốn Thỏ nhường mình

**Câu 4.** Vì sao Rùa chiến thắng trong cuộc thi chạy?

A. Rùa luôn tỉnh táo, không ham chơi B. Rùa có ý chí, kiên trì, biết nỗ lực, biết cố gắng

C. Rùa may mắn hơn Thỏ D. Thỏ nhường Rùa thắng

**Câu 5.** Tìm phó từ trong câu sau:“Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hì hục tập chạy.”

A. trời B. bên

C. đang D. Một

**Câu 6.** Trong câu: “Rùa bực mình vì vẻ ngạo mạn của Thỏ”, từ ngạo mạn có nghĩa là gì?

1. Người tự tin, biết tự lượng sức mình
2. Người kiêu ngạo, tự tin thái quá về bản thân
3. Người khiêm tốn, tự tin về bản thân
4. Người nhiệt tình, biết chừng mực

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 7.** Ý nghĩa và bài học rút ra từ câu chuyện Rùa và Thỏ là gì?

**Câu 8.** Nếu em là nhân vật Thỏ trong câu chuyện trên, em sẽ tham gia cuộc thi chạy với Rùa như thế nào? Vì sao em lựa chọn như thế? (Viết câu trả lời khoảng 3 - 5 câu văn)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về một người thân mà em yêu quý.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | - Bài học rút ra từ câu truyện ngụ ngôn đó.  - HS nêu được ý nghĩa của truyện ngụ ngôn đối với đời sống con người. | 0,5  1,0 |
| **8** | - Nêu được lựa chọn của mình khi hóa thân thành nhân vật Thỏ trong cuộc thi chạy.  - Giải thích được lí do vì sao lựa chọn cách tham gia cuộc thi chạy như thế. | 0,5  1,0 |
| **II. Viết** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm*  - Mở bài: Giới thiệu đối tượng biểu cảm, nêu tình huống, …  - Thân bài: Trình bày, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Kết bài: Suy ngẫm, mong ước với đối tượng biểu cảm. | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Phát biểu cảm nghĩ về người thân mà em yêu quý | | 0,25 |
| *c. Phát biểu cảm nghĩ về người thân mà mình yêu quý*  HS có thể trình bày mạch cảm xúc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm.  - Trình bày được những tình cảm tốt đẹp đối với người mà mình yêu quý  - Có sự liên hệ với quá khứ, hiện tại hoặc tương lai.  - Vận dụng linh hoạt yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm. | | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, tình cảm sâu sắc, mang tính nhân văn. | | 0,5 |